Câu 1.

Từ nào dưới đây chỉ phẩm chất của con người?

A. trung thực

B. tươi tắn

C. xúc động

D. duyên dáng

Câu 2.

Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ "khúc khuỷu"?

A. mấp mô

B. cuống quýt

C. náo nhiệt

D. quanh co

Câu 3.

Nghe đoạn văn dưới đây và cho biết hồ như khoác tấm áo đỏ tía vào thời điểm nào?

((Audio))

A. hoàng hôn

B. đêm khuya

C. giữa trưa

D. bình minh

Câu 4.

Câu nào dưới đây có đại từ nghi vấn?

A. Cuốn sách này là câu chuyện hay về tình bạn.

B. Bìa sách được thiết kế đẹp quá!

C. Cuốn sách này thật hay và ý nghĩa!

D. Cậu mua cuốn từ điển này ở đâu?

Câu 5.

Đuổi hình bắt chữ. Đây là gì?

A close-up of a rock and a shuttlecock

Description automatically generated

A. đá cuội

B. cầu nguyện

C. cầu mong

D. đá cầu

Câu 6.

Từ nào dưới đây không cùng nhóm nghĩa với các từ còn lại?

A. khám phá

B. tìm tòi

C. nghiên cứu

D. mới lạ

Câu 7.

Đoạn văn dưới đây miêu tả khung cảnh gì?

Mưa ngớt hạt rồi tạnh hẳn. Màn mây xám đục trên cao đã rách mướp, trôi dạt cả về một phương, để lộ dần một mảng trời thấp thoáng xanh. Một vài tia nắng hiếm hoi bắt đầu mừng rỡ rọi xuống.

(Sưu tầm)

A. Khu vườn sau cơn mưa

B. Bầu trời sau cơn mưa

C. Bầu trời lúc sắp mưa

D. Đường phố sau cơn mưa

Câu 8.

Đáp án nào dưới đây có từ đa nghĩa?

A. bàn ghế - bàn luận

B. bình hoa - bình chọn

C. ao hồ - ao ước

D. hươu cao cổ - cổ áo

Câu 9.

Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. xông xáo

B. sung túc

C. sum họp

D. sản suất

Câu 10.

Từ "đường" trong câu nào dưới đây mang nghĩa gốc?

A. Do mưa bão nên đường truyền mạng không ổn định.

B. Các chú công nhân đang sửa chữa đường dây điện.

C. Giờ tan tầm, đường phố tấp nập, đông đúc hơn hẳn.

Câu 11.

Câu nào dưới đây có chứa từ đa nghĩa?

A. Hà gửi tôi một lá thư có đính cỏ bốn lá xinh xắn.

B. Mẹ hỏi giá của chiếc áo đang được treo trên giá.

C. Mẹ đỗ xe lại bên đường để mua một gói xôi đỗ.

D. Anh em chúng tôi được tôi luyện trong quân ngũ nhiều năm.

Câu 12.

Từ các tiếng "thông, anh, minh" có thể ghép được tất cả bao nhiêu từ?

A. 2 từ

B. 4 từ

C. 1 từ

D. 3 từ

Câu 13.

Tiếng "trung" có thể ghép với những tiếng nào dưới đây để tạo thành từ?

A. hậu, kết, cư

B. thành, tâm, chuyển

C. kiên, sức, cuộc

D. bình, thuỷ, sống

Câu 14.

Từ nào dưới đây chứa tiếng "trung" có nghĩa là "ở giữa"?

A. trung kiên

B. trung tâm

C. trung dũng

D. trung hậu

Câu 15.

Bức tranh dưới đây gợi nhắc đến thành ngữ, tục ngữ nào?

A cartoon of a fist in front of mountains

Description automatically generated

A. Đứng núi này trông núi nọ

B. Lên thác xuống ghềnh

C. Chim có tổ, người có tông

D. Cây cao bóng cả

Câu 16.

Câu nào dưới đây phù hợp để mô tả bức tranh sau?

A group of people around a table

Description automatically generated

A. Hôm nay, mẹ chiêu đãi cả nhà món bánh thơm phức.

B. Cả gia đình Mai vừa xem ti vi vừa chuyện trò vui vẻ.

C. Bé Mai giúp mẹ rửa bát sau khi ăn tối xong.

D. Mai và mẹ đang lúi húi trong bếp để chuẩn bị bữa tối cho gia đình.

Câu 17.

Đây là từ gì?

A group of letters on a white background

Description automatically generated

A. nhẹ nhàng

B. dịu dàng

C. dung dị

D. giản dị

Câu 18.

Câu nào dưới đây sử dụng biện pháp nhân hoá phù hợp với hình ảnh sau?

Hoàn Kiếm Lake on a small island in a body of water

Description automatically generated

A. Những cành liễu phất phơ rủ xuống mặt hồ phẳng lặng.

B. Ven hồ, hàng cây xanh ngả đầu vào nhau trò chuyện.

C. Giữa hồ, Tháp Rùa rêu phong, cổ kính nổi trên một mô đất nhỏ.

D. Nước hồ trong xanh, mặt hồ gợn sóng lăn tăn.

Câu 19.

Từ đồng nghĩa nào có thể thay thế cho từ in đậm trong câu dưới đây?

Chú lực sĩ có thân hình cao lớn, vạm vỡ .

A. khổng lồ

B. lực lưỡng

C. hùng vĩ

D. nhanh nhẹn

Câu 20.

Câu tục ngữ nào dưới đây nói về sự quan tâm, sẻ chia trong cuộc sống?

A. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.

B. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

C. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

D. Sông có khúc, người có lúc.

Câu 21.

Điền "r/d" hoặc "gi" vào chỗ trống:

[[Gi]]ản dị

[[d]]ung hoà

Câu 22.

Nghe đoạn thơ sau và điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

((Audio))

Lặng xuôi năm tháng êm trôi

Con đò kể chuyện một thời rất xưa

Rằng người chèo chống đón đưa

Mặc cho [[nắng mưa]] giữa trưa rơi nhiều.

(Theo Nguyễn Quốc Đạt)

Câu 23.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ sau:

Khoai đất lạ, mạ đất [[quen]] .

Câu 24.

Tìm một tiếng bắt đầu bằng "s" hoặc "x" chỉ tên gọi chung các loài trai biển nhỏ và tròn, vỏ dày có khía xù xì, thịt ăn được.

Đáp án: [[sò]]

Câu 25.

Điền dấu câu thích hợp để hoàn thành đoạn trích sau:

Sẻ non rất yêu bằng lăng và bé Thơ [[.]] Nó muốn giúp bông hoa. Nó chắp cánh [[,]] bay vù về phía cành bằng lăng mảnh mai. Cành hoa chao qua, chao lại [[.]] Sẻ non cố đứng vững. Thế là bông hoa chúc hẳn xuống, lọt vào khuôn cửa sổ. Lập tức, sẻ nghe thấy tiếng reo từ trong gian phòng tràn ngập ánh nắng:

- Ôi, đẹp quá [[!]] Sao lại có bông bằng lăng nở muộn thế kia?

(Theo Phạm Hổ)

Câu 26.

Chọn từ thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn sau:

Hoàng hôn, mặt trời như quả cầu lửa (đỏ rực, vàng lịm, tím biếc) [[đỏ rực]] từ từ (nhô, mọc, lặn) [[lặn]] xuống đáy biển. Vạt nắng cuối ngày còn sót lại hắt lên nhuộm hồng cả những áng mây. Gió thổi nhè nhẹ, sóng vỗ (vi vu, rì rào, lộp độp) [[rì rào]] . Hàng dừa xanh (đung đưa, cuồn cuộn, lấp ló) [[đung đưa]] trong gió chiều.

(Theo Ngọc Mai)

Câu 27.

Giải câu đố sau:

Để nguyên thành luỹ làng ta

Thêm hỏi trái nghĩa với "già" bạn ơi.

Từ để nguyên là từ [[lũy]] .

Câu 28.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành cặp từ đồng nghĩa.

khuyết điểm [(thiếu sót)]

lấp lánh [(óng ánh)]

gọn gàng [(ngăn nắp)]

nhộn nhịp [(tấp nập)]

gồ ghề [(mấp mô)]

Câu 29.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành cặp từ trái nghĩa.

cá nhân [(tập thể)]

nhanh nhẹn [(chậm chạp)]

gần gũi [(xa lạ)]

kiêu căng [(khiêm tốn)]

bắt đầu [(kết thúc)]

Câu 30.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành câu có hình ảnh so sánh phù hợp.

Cánh chú chuồn chuồn [(mỏng như giấy bóng.)]

Dòng sông [(như dải lụa mềm mại uốn quanh xóm làng.)]

Cây nấm [(như chiếc ô tí hon.)]

Những cánh buồm [(như chấm nhỏ di chuyển trên mặt biển.)]